TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ -ST
Ngày 13/7/2023
"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ V Tú - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 29/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tăng V, sinh năm 1994 (có mặt)

- Bị đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 2000 (có mặt)

- Người có QLNV liên quan: Cháu Nguyễn T N, sinh năm 2018

Người đại diện hợp pháp của cháu: Anh V – Bố đẻ của cháu
Đều trú tại: BT, TTAT, At, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/2/2023 và lời khai của anh V trình bầy anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi vào năm 2018. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do cách ăn ở đối xử của chị H với gia đình không tốt nên đã tạo ra nhiều bất đồng, mặt khác chị H không chung thủy nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được, bản thân anh và gia đình đã phân tích, khuyên bảo nhưng chị H không nghe. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai nên anh đề nghị Tòa xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn chị H càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Hiện nay cháu Nhân đang ở với anh và bố mẹ anh nhưng khi ly hôn anh không có nguyện vọng được nuôi con chung mà để chị H nuôi con vì sức khỏe anh yếu, không có việc làm vẫn đang sống phụ thuộc vào bố mẹ.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Chị H trình bày: Anh chị quen biết nhau qua mạng xã hội, sau một thời gian tìm hiểu khoảng 8 tháng thì tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi vào năm 2018. Sau khi cưới chị H về ngay gia đình chồng chung sống. Trong cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc nguyên nhân do anh V không quan tâm gì đến vợ con, sống ích kỷ, mặt khác mối quan hệ giữa chị và bố mẹ chồng không hòa thuận, bản thân anh V cũng không đứng ra giải quyết, không bảo vệ chị, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng bất đồng quan điểm, tH xuyên to tiếng, đánh cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh V xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để anh V tiếp tục nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh V

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Bà Lê Thị Hiệp (mẹ đẻ của chị H) trình bày: Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi vào năm 2018. Tuy nhiên việc anh V, chị H lấy nhau anh chị không báo cáo gì bà và gia đình thông gia không bàn bạc gì với bà lý do vì bố chị H chết bà đi lấy chồng khác, nhưng vì hạnh phúc của anh chị nên bà bỏ qua. Trong cuộc sống bà thấy anh chị không hạnh phúc nguyên nhân là do gia đình anh V đối xử không tốt với chị H nên vợ chồng không hạnh phúc,việc ly hôn giữa anh V, chị H do anh chị tự quyết định.

Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Hiện nay chị H chưa có chỗ ở ổn định, làm công nhân thu nhập thấp, thuê trọ nên không có điều kiện để nuôi cháu Nhân.

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Ông Nguyễn Tăng Công (bố đẻ của anh V) trình bày: Hai anh chị tự tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi vào tháng 11/2018. Sau khi lấy nhau vợ chồng anh V sinh sống cùng với gia đình ông, thời gian đầu mọi việc đều bình tH nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống, cách nghĩ mỗi người một khác, chị H không chung thủy, sự việc này xảy ra anh V và gia đình ông đã bỏ qua nhiều lần nhưng chị H không thay đổi, đến nay anh V xin ly hôn đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Do cháu bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp hàng tháng là 900.000 đồng, anh V chơi bời, không có công ăn việc làm, sống phụ thuộc vào gia đình, vợ chồng ông tuổi đã cao nên mong Tòa xem xét giao cháu Nhân cho chị H nuôi để đảm bảo mọi mặt cho cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND thị trấn Ân Thi: Anh V, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ân Thi vào ngày 21/11/2018. Quá trình chung sống anh V, chị H mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như thế nào địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Cháu Nhân bị khuyết tật hiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ tháng 7/2022. Hoàn cảnh gia đình của anh V rất khó khăn.
Về tài sản chung, công nợ: Không nắm được

Tại phiên tòa ngày 14/6/2023: Anh V có mặt, chị H vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 13/7/2023: Anh V, chị H có mặt. Anh V vẫn giữ nguyện yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị H và giải quyết con chung. Chị H nhất trí ly hôn và có nguyện vọng để anh V nuôi con chung.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có QLNV liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tăng V. Xử cho anh V được ly hôn chị H

- Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Giao cháu Nhân cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Anh V phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND

thị trấn Ân Thi vào ngày 21/11/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh V, chị H là hợp pháp. Nay anh V có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị H có hộ khẩu tH trú tại Bình Trì, TT Ân Thi, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh V, chị H xác định sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, tH xuyên bất đồng quan điểm sống nên cãi nhau, chửi nhau, về phía chị H còn xác định anh V không tôn trọng chị, không quan tâm đến vợ con, sống ích kỷ và mối quan hệ giữa chị và gia đình chồng không tốt, về phía anh V xác định ngoài nguyên nhân trên chị H còn không chung thủy, gia đình đã khuyên bảo nhưng chị Hương không thay đổi. Đến nay anh V, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập anh V, chị H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh V, chị H không về ở được với nhau, anh V kiên quyết xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh V, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V, chị H không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018. Hiện nay cháu đang ở với anh V và ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V, chị H đều không có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX xét điều kiện nuôi con của anh V, chị H thì thấy, chị H thuê trọ, đi làm theo ca, bố đẻ đã mất, mẹ đẻ đi lấy chồng nên không có ai thân cận có thể giúp chị chăm sóc cháu Nhân khi chị đi làm đang làm công ty, mặc dù chị H có thu nhập ổn định hơn anh V, nhưng cháu Nhân lại bị khuyết tật nặng rất cần được chăm sóc, trông nom, việc anh V làm lao động tự do, thu nhập không ổn định bằng chị H nhưng đó là khó khăn có thể khắc phục được, hơn nữa anh V lại đang ở với bố mẹ, cháu Nhân đang được ông bà chăm sóc và cháu Nhân cũng được Nhà nước trợ cấp xã hội hàng tháng trong việc nuôi dưỡng cháu Nhân nên anh V điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị H, vì vậy để tránh xáo trộn trong việc sinh hoạt của cháu Nhân, HĐXX giao cháu Nhân cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo phát triển mọi mặt cho cháu Nhân.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh V có quan điểm nếu được giao con thì anh V yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật, vì vậy để

đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cháu Nhân, HĐXX buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh V là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Nhân có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Đối với số tiền trợ cấp xã hội hàng tháng của cháu Nhân theo quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 22/7/2022, cháu Nhân do anh V trực tiếp nuôi dưỡng nên anh V lĩnh số tiền này để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu Nhân.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh V, chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tăng V được ly hôn chị Cao Thị H

2- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn T N, sinh năm 2018 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh V là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu Nhân có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Anh V trực tiếp nuôi con chung nên anh V được lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng của cháu Nhân theo quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 để đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu Nhân.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh V có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0003110 ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh V đã nộp đủ.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Anh V, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND thị trấn Ân Thi, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Hân